

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ TOÁN

MÔN ĐẠI SỐ VÀ HÌNH HỌC KHỐI 8 (Từ ngày 13/09/2021 đến ngày 18/09/2021)

PHẦN ĐẠI SỐ

LUYỆN TẬP

Bài 1. Tính

$$\begin{aligned}1/ & 2x(x^2 - 3x + 5) - 2x^3 \\&= 2x^3 - 6x^2 + 10x - 2x^3 \\&= -6x^2 + 10x\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}2/ & (x + 5)(x + 1) - x^2 \\&= x^2 + x + 5x + 5 - x^2 \\&= 6x + 5\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}3/ & 3x \cdot (2x^2 + 4x - 1) + 2x \\&= 6x^3 + 12x^2 - 3x + 2x \\&= 6x^3 + 12x^2 - x\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}4/ & (2x + 3)(3x - 1) - 6x^2 \\&= 6x^2 - 2x + 9x - 3 - 6x^2 \\&= 7x - 3\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}5/ & (x + 1)(x + 4) - x^2 + 3 \\&= x^2 + 4x + x + 4 - x^2 + 3 \\&= 5x + 7\end{aligned}$$

Bài 2. (Bài tập 8 tr 8 SGK) : Làm tính nhân

$$\begin{aligned}a) & (x^2y^2 - \frac{1}{2}xy + 2y)(x - 2y) \\&= x^3y^2 - 2x^2y^3 - \frac{1}{2}x^2y + xy^2 + 2xy - 4y^2\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}b) & (x^2 - xy + y^2)(x + y) \\&= x^3 + x^2y - x^2y - xy^2 + xy^2 + y^3 \\&= x^3 + y^3\end{aligned}$$

Bài 3. Tìm x, biết

$$1) x(x + 5) - x^2 + 6x = 11$$

$$x^2 + 5x - x^2 + 6x = 11$$

$$x^2 - x^2 + 5x + 6x = 11$$

$$11x = 11$$

$$x = 11 : 11$$

$$x = 1$$

$$2) (2x + 3)(x - 2) - 2x(x - 3) = 24$$

$$2x^2 - 4x + 3x - 6 - 2x^2 + 6x = 24$$

$$2x^2 - 2x^2 - 4x + 3x + 6x - 6 = 24$$

$$5x - 6 = 24$$

$$5x = 24 + 6$$

$$5x = 30$$

$$x = 30 : 5$$

$$x = 6$$

Bài 4: Cho một hình chữ nhật biết độ dài chiều rộng và chiều dài của nó lần lượt là $x + 3$ và $2x + 5$.

a) Em hãy viết biểu thức tính diện tích S của hình chữ nhật theo x .

b) Thu gọn S về dạng một đa thức.

c) Tính giá trị của S tại $x = 2$.

Giải

a) Viết biểu thức tính diện tích S của hình chữ nhật theo x là

$$S = (x + 3) \cdot (2x + 5)$$

b) Thu gọn S về một đa thức

$$S = (x + 3) \cdot (2x + 5)$$

$$S = 2x^2 + 5x + 6x + 15$$

$$S = 2x^2 + 11x + 15$$

c) Thay $x = 2$ vào đa thức $S = 2x^2 + 11x + 15$ ta được

$$S = 2 \cdot 2^2 + 11 \cdot 2 + 15 = 45$$

Vậy tại $x = 2$ giá trị của đa thức S là 45 (tại $x = 2$ thì $S = 45$)

 **BTVN: Bài 10, 11, 13 SGK trang 8, 9**

Bài tập 10 tr 8 SGK: Thực hiện phép tính

$$a) (x^2 - 2x + 3)\left(\frac{1}{2}x - 5\right)$$

$$= \frac{1}{2}x^3 - 5x^2 - x^2 + 10x + \frac{3}{2}x - 15$$

$$= \frac{1}{2}x^3 - 6x^2 + \frac{23}{2}x - 15$$

$$b) (x^2 - 2xy + y^2)(x - y)$$

$$= x^3 - x^2y - 2x^2y + 2xy^2 + xy^2 - y^3$$

$$= x^3 - 3x^2y + 3xy^2 - y^3$$

Bài tập 11 tr 8 SGK: Chứng minh rằng giá trị của biểu thức sau không phụ thuộc vào giá trị của biến: $(x - 5)(2x + 3) - 2x(x - 3) + x + 7$

Giải

$$\begin{aligned}\text{Ta có: } & (x - 5)(2x + 3) - 2x(x - 3) + x + 7 \\ &= 2x^2 + 3x - 10x - 15 - 2x^2 + 6x + x + 7 \\ &= -8.\end{aligned}$$

Vậy giá trị của biểu thức không phụ thuộc vào biến x

Bài tập 13 tr 9 SGK: Tìm x , biết: $(12x - 5)(4x - 1) + (3x - 7)(1 - 16x) = 81$

Giải

$$\begin{aligned}(12x - 5)(4x - 1) + (3x - 7)(1 - 16x) &= 81 \\ 48x^2 - 12x - 20x + 5 + 3x - 48x^2 - 7 + 112x &= 81 \\ 83x - 2 &= 81 \\ 83x &= 83 \\ x &= 1 \\ \text{Vậy } x &= 1\end{aligned}$$

§3. NHỮNG HẰNG ĐẲNG THỨC ĐÁNG NHỚ

1. Bình phương của một tổng:

✚ Với A ; B là các biểu thức tùy ý, ta có

$$(A + B)^2 = A^2 + 2AB + B^2 \quad (1)$$

?2: sgk/9

Áp dụng :

- a) Tính $(a + 1)^2$
- b) Viết biểu thức $x^2 + 4x + 4$ dưới dạng bình phương của một tổng
- c) Tính nhanh : 51^2 ; 301^2

Giải

- a) Ta có: $(a + 1)^2 = a^2 + 2a + 1$
- b) Ta có: $x^2 + 4x + 4 = x^2 + 2 \cdot x \cdot 2 + 2^2 = (x + 2)^2$
- c) Ta có: $51^2 = (50 + 1)^2$
$$= 50^2 + 2 \cdot 50 \cdot 1 + 1^2$$
$$= 2500 + 100 + 1 = 2601$$
- Ta có: $301^2 = (300 + 1)^2$
$$= 300^2 + 2 \cdot 300 \cdot 1 + 1^2$$
$$= 90000 + 600 + 1$$

$$= 90601$$

2. Bình phương của một hiệu :

?3: sgk/10 Tính $[a + (-b)]^2$ (với a,b là các số tùy ý)

Giải

Áp dụng hằng đẳng thức (1)

$$\text{Ta có: } [a + (-b)]^2 = a^2 - 2ab + b^2$$

$$\text{Từ đó rút } (a - b)^2 = a^2 - 2ab + b^2 .$$

 Với A ; B là hai biểu thức tùy ý ta có :

$$(A - B)^2 = A^2 - 2AB + B^2 \quad (2)$$

?4 sgk/10

* Áp dụng :

a) Tính $\left(x - \frac{1}{2}\right)^2$

b) Tính $(2x - 3y)^2$

c) Tính nhanh 99^2

Giải

a) Ta có: $\left(x - \frac{1}{2}\right)^2 = x^2 - 2.x.\frac{1}{2} + \left(\frac{1}{2}\right)^2$

$$= x^2 - x + \frac{1}{4}$$

b) Ta có: $(2x - 3y)^2 = (2x)^2 - 2 \cdot 2x \cdot 3y + (3y)^2 = 4x^2 - 12xy + 9y^2$

c) Ta có: $99^2 = (100 - 1)^2$

$$= 100^2 - 2 \cdot 100 \cdot 1 + 1^2$$

$$= 10000 - 200 + 1$$

$$= 9801$$

3. Hiệu hai bình phương :

?5 sgk/10 Thực hiện phép tính $(a + b)(a - b)$; (với a, b là các số tùy ý)

Giải

$$\text{Ta có: } (a + b)(a - b)$$

$$= a^2 - ab + ab - b^2$$

$$= a^2 - b^2$$

$$\Rightarrow a^2 - b^2 = (a + b)(a - b)$$

 Với A và B là hai biểu thức tùy ý, ta có

$$A^2 - B^2 = (A - B) \cdot (A + B) \quad (3)$$

?6 sgk/10 Áp dụng :

- a) Tính $(x + 1)(x - 1)$
- b) Tính $(x - 2y)(x + 2y)$
- c) Tính nhanh $56 \cdot 64$

Giải

- a) $(x + 1)(x - 1) = x^2 - 1^2 = x^2 - 1$
- b) $(x - 2y)(x + 2y) = x^2 - (2y)^2 = x^2 - 4y^2$
- c) $56 \cdot 64 = (60 - 4)(60 + 4)$
 $= 60^2 - 4^2$
 $= 3600 - 16 = 3584$

?7 sgk/10 Ai đúng? Ai sai?

- ✓ Đức viết: $x^2 - 10x + 25 = (x - 5)^2$.
- ✓ Thọ viết: $x^2 - 10x + 25 = (5 - x)^2$.
- ✓ Hương nêu nhận xét: Thọ viết sai, Đức viết đúng.
- ✓ Sơn nói: Qua ví dụ trên mình rút ra được một hằng đẳng thức rất đẹp !

Hãy nêu ý kiến của em. Sơn rút ra được hằng đẳng thức nào ?

Giải

➤ **Cả hai bạn đều viết đúng**

$$x^2 - 10x + 25 = (x - 5)^2 = (5 - x)^2$$

*** Chú ý:**

$$(A - B)^2 = (B - A)^2$$

✚ **Dặn dò:** Các em học thuộc các hằng đẳng thức và làm các bài tập: 16; 17; 18 sgk/11

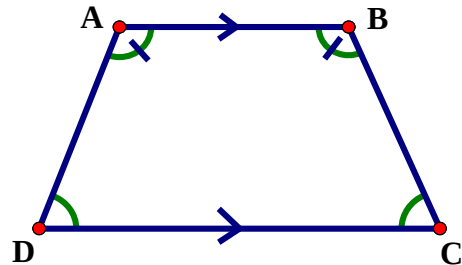
PHẦN HÌNH HỌC

TIẾT 3 - §3. HÌNH THANG CÂN

--o0o---

1/ Định nghĩa :

Hình thang cân là hình thang có hai góc kề một đáy bằng nhau.



➤ Tứ giác ABCD là hình thang cân (đáy AB, CD)

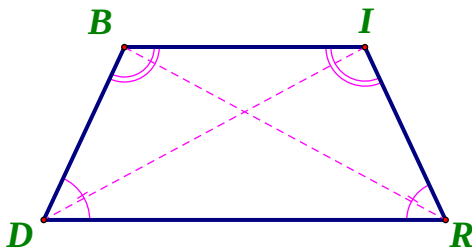
$$\Leftrightarrow \begin{cases} AB \parallel CD \\ \hat{C} = \hat{D} \text{ hoặc } \hat{A} = \hat{B} \end{cases}$$

➤ **Chú ý:** Nếu ABCD là hình thang cân (đáy AB, CD) thì $\hat{C} = \hat{D}$ và $\hat{A} = \hat{B}$

2/ Tính chất

Định lí 1: Trong hình thang cân, hai cạnh bên bằng nhau.

Định lí 2: Trong hình thang cân, hai đường chéo bằng nhau.



★ **VD:** Cho hình thang cân BIRD. Khi đó ta có:

◆ **Cạnh:**

◆ $IB \parallel DR$

◆ $DB = IR$

◆ **Góc:**

◆ $\widehat{DBI} = \widehat{RIB}$

◆ $\widehat{BDR} = \widehat{IRD}$

◆ **Hai đường chéo:** $ID = RB$

Ví dụ: Bài 11 (trang 74): Tính độ dài các cạnh của hình thang cân ABCD trên giấy kẻ ô vuông (h.30, độ dài của cạnh ô vuông là 1cm).

Giải : Kẻ đường cao AE

Nhìn vào hình vẽ ta thấy :

$$+ AB = 2\text{cm}$$

$$+ CD = 4\text{cm}.$$

$$+ AE = 3\text{cm}$$

$$+ DE = 1\text{cm}$$

+ **Tính AD :**

Xét $\triangle ADE$ vuông tại E ta có

$$AD^2 = AE^2 + DE^2 \text{ (Định lý Pytago)}$$

$$AD^2 = 3^2 + 1^2$$

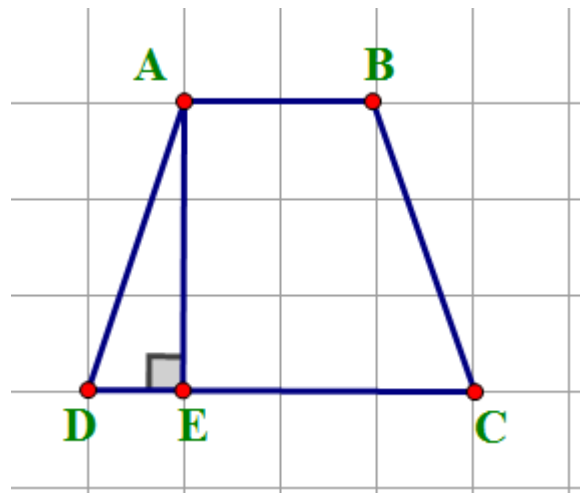
$$AD^2 = 10$$

$$\Rightarrow AD = \sqrt{10} \text{ cm}$$

+ **Tính BC :**

Ta có: Tứ giác ABCD là hình thang cân nên $BC = AD = \sqrt{10} \text{ cm}$.

Vậy: $AB = 2\text{cm}$, $CD = 4\text{cm}$, $AD = BC = \sqrt{10}\text{cm}$.



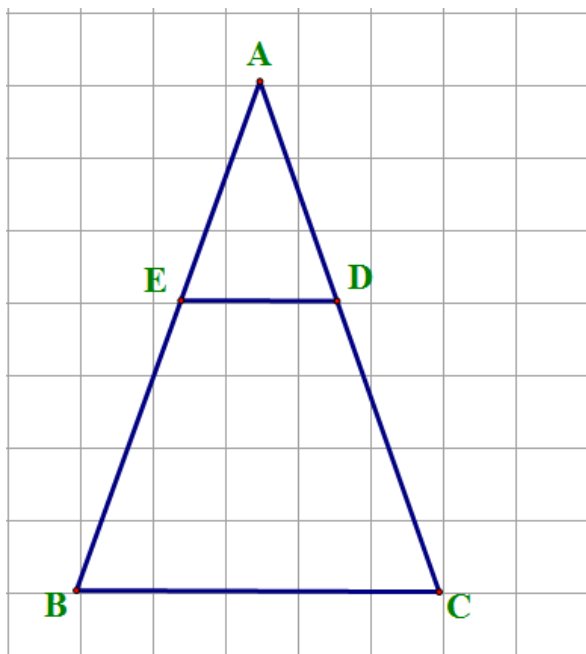
3/ Dấu hiệu nhận biết :

Định lý 3 : Hình thang có hai đường chéo bằng nhau là hình thang cân.

Dấu hiệu nhận biết hình thang cân:

1. Hình thang có hai góc kề một đáy bằng nhau là hình thang cân.
2. Hình thang có hai đường chéo bằng nhau là hình thang cân.

Ví dụ. Cho $\triangle ABC$ cân tại A. Từ điểm E bất kỳ thuộc cạnh AB (E khác A và B) kẻ $ED \parallel BC$ (điểm D thuộc cạnh AC). Chứng minh tứ giác BEDC là hình thang cân.



Xét tứ giác BEDC có

$ED \parallel BC$

Nên tứ giác BEDC là hình thang

Lại có $B = C$ ($\triangle ABC$ cân tại A)

Do đó: Tứ giác BEDC là hình thang cân

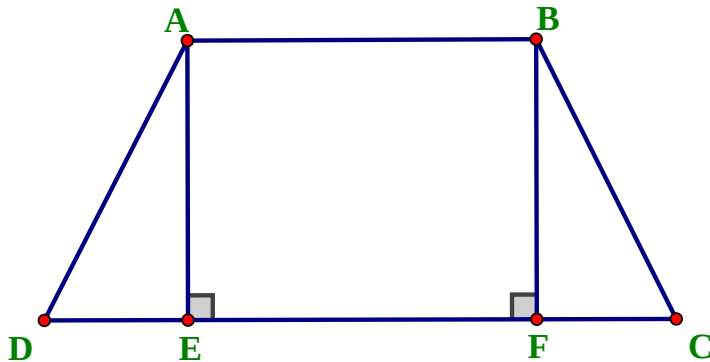
II. BÀI TẬP VỀ NHÀ:

Bài 13 (trang 74 SGK Toán 8 Tập 1): Cho hình thang cân ABCD ($AB \parallel CD$), E là giao điểm của hai đường chéo. Chứng minh rằng $EA = EB$, $EC = ED$.

TIẾT 4 - LUYỆN TẬP

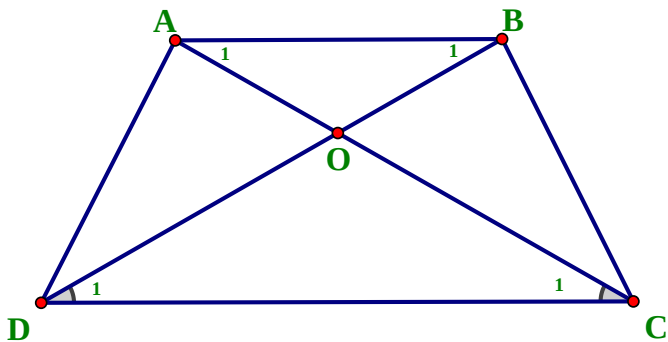
---o0o---

Bài 1. (Bài 12 trang 74 SGK Toán 8 Tập 1): Cho hình thang cân ABCD ($AB \parallel CD$, $AB < CD$). Kẻ các đường cao AE, BF của hình thang. Chứng minh rằng $DE = CF$.



Xét hai tam giác vuông $\triangle ADE$ và $\triangle BCF$, ta có
 $AD = BC$ (Tứ giác ABCD là hình thang cân)
 $\hat{ADE} = \hat{BCF}$ (Tứ giác ABCD là hình thang cân)
Do đó: $\triangle ADE = \triangle BCF$ (cạnh huyền – góc nhọn)
Suy ra: $DE = CF$ (hai cạnh tương ứng)

Bài 2. (BÀI 17 TRANG 75 SGK TOÁN 8 TẬP 1): Hình thang ABCD ($AB \parallel CD$) có $\widehat{ACD} = \widehat{BDC}$. Chứng minh rằng ABCD là hình thang cân.



Chứng minh
Gọi O là giao điểm của AC và BD
Ta có: $\hat{D}_1 = \hat{C}_1$ (gt)
Suy ra: $\triangle OCD$ cân tại O
Suy ra: $OC = OD$ (1)
Lại có: $\hat{B}_1 = \hat{D}_1$ (so le trong, $AB \parallel CD$)
 $\hat{A}_1 = \hat{C}_1$ (so le trong, $AB \parallel CD$)
Mà $\hat{D}_1 = \hat{C}_1$ (gt)
Nên $\hat{B}_1 = \hat{A}_1$
Suy ra $\triangle OAB$ cân tại O
Suy ra $OA = OB$ (2)
Từ (1) và (2) ta suy ra $OA + OC = OD + OB$
Hay $AC = BD$

Xét hình thang ABCD có $AC = BD$ nên hình thang ABCD là hình thang cân

Bài 3. (Bài 15 trang 75 SGK Toán 8 Tập 1): Cho tam giác ABC cân tại A. Trên các cạnh bên AB, AC lấy theo thứ tự các điểm D, E sao cho $AD = AE$

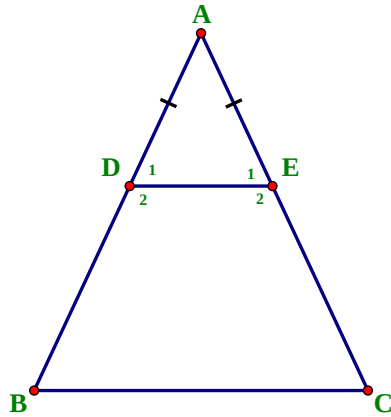
a) Chứng minh rằng BDEC là hình thang cân

b) Tính các góc của hình thang cân đó, biết rằng $\hat{A} = 50^\circ$

❖ *Nhắc lại công thức đã học*

Trong tam giác cân: Góc ở đáy = $(180^\circ - \text{góc ở đỉnh}) : 2$

Góc ở đỉnh = $180^\circ - 2 \cdot \text{góc ở đáy}$



Giải :

a) Chứng minh rằng BDEC là hình thang cân

Ta có: $AD = AE$ (gt)

$\Rightarrow \triangle ADE$ cân tại A

$$\Rightarrow \hat{D}_1 = \frac{180^\circ - \hat{A}}{2} \quad (1)$$

Lại có: $\triangle ABC$ cân tại A (gt)

$$\Rightarrow \hat{B} = \frac{180^\circ - \hat{A}}{2} \quad (2)$$

Từ (1) và (2) ta suy ra: $\hat{D}_1 = \hat{B}$

Mà hai góc này ở vị trí đồng vị

Nên $DE \parallel BC$

Xét tứ giác BDEC có

$DE \parallel BC$ (CMT)

$\Rightarrow$ Tứ giác BDEC là hình thang

Lại có $\hat{B} = \hat{C}$ ($\triangle ABC$ cân tại A)

Nên tứ giác BDEC là hình thang cân

b) Tính các góc của hình thang cân đó, biết rằng $\hat{A} = 50^\circ$

$$\text{Ta có: } \hat{B} = \frac{180^\circ - \hat{A}}{2} = \frac{180^\circ - 50^\circ}{2} = 65^\circ$$

$$\Rightarrow \hat{C} = \hat{B} = 65^\circ \quad (\triangle ABC \text{ cân tại A})$$

Xét hình thang BDEC có

$$\hat{B} + \hat{D}_2 = 180^\circ \text{ (hai góc kề một cạnh bên)}$$

$$65^{\circ} + \hat{D}_2 = 180^{\circ}$$

$$\hat{D}_2 = 180^{\circ} - 65^{\circ}$$

$$\hat{D}_2 = 115^{\circ}$$

$$\hat{E}_2 = \hat{D}_2 = 115^{\circ} \text{ (Tứ giác BDEC là hình thang cân)}$$

II. BÀI TẬP VỀ NHÀ:

BÀI 18 (TRANG 75 SGK TOÁN 8 TẬP 1): Chứng minh định lý: "Hình thang có hai đường chéo bằng nhau là hình thang cân" qua bài toán sau: Cho hình thang ABCD ($AB \parallel CD$) có $AC = BD$. Qua B kẻ đường thẳng song song với AC, cắt đường thẳng DC tại E. Chứng minh rằng:

a) $\triangle BDE$ là tam giác cân.

b) $\triangle ACD = \triangle BDC$

c) Hình thang ABCD là hình thang cân.

**Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:
Võ Thị Thanh Nguyệt SĐT: 0973019664**

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN

TỔ NGŨ VĂN

MÔN NGŨ VĂN KHỐI 8

(Từ ngày 13/09/2021-18/09/2021)

Tiết 5,6:

Văn bản:

TỨC NƯỚC VỠ BỜ (Trích “Tắt đèn”)

- Ngô Tất Tố -

I. Đọc-hiểu chú thích:

1. Tác giả:

- Ngô Tất Tố (1893 – 1954).
- Là một trong những nhà văn xuất sắc của trào lưu văn học hiện thực trước cách mạng tháng Tám.
- Nhà văn chuyên viết về người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám.

2. Tác phẩm:

- “Tắt đèn” là tác phẩm tiêu biểu nhất của Ngô Tất Tố đăng trên báo năm 1937, in thành sách, xuất bản 1939.
- Đoạn trích trích trong chương XVIII của tác phẩm.
- Thể loại: tiểu thuyết
- Phương thức: tự sự

II. Đọc-hiểu văn bản:

1. Tình thế của gia đình chị Dậu:

- Vụ thuế đang gay gắt
 - Chị đã bán chó, bán con để lấy tiền nộp sưu.
 - Phải nộp cả suất sưu cho em chồng đã chết.
 - Anh Dậu bị đánh tưởng chết mới tỉnh
- > Tình cảnh thê thảm, đáng thương và nguy cấp. Tai họa chồng chết, bản thân chị Dậu ở vào tình thế tuyệt vọng, đơn độc đối phó với lũ bất nhân.
=> Đó là người đàn bà vô cảm, lạnh lùng, độc ác thâm hiểm, hiện thân cho thành kiến cổ hủ lạc hậu, phi nhân đạo của xã hội thực dân nửa phong kiến lúc bấy giờ.

2. Nhân vật chị Dậu:

* Chị Dậu chăm sóc chồng:

- Cháo chín, múc ra bát, quạt cho chóng nguội.
- Rón rén bưng một bát đến chỗ chồng.
- Ngồi chờ xem chồng ăn có ngon miệng không.

-> Là người phụ nữ hiền dịu, yêu thương chồng con.

*** Khi đối phó với bọn tay sai:**

- Lúc đầu:

+ run run, thiết tha

+ xưng hô: cháu - ông

-> Nhẫn nhục, van xin, lễ phép, cố khơi gợi từ tâm và lương tri của "ông cai".

- Khi bọn tay sai ác độc và tàn nhẫn:

+ Không thể chịu được -> liều mình cự lại

+ Vị thế ngang hàng: tôi - ông

+ Dùng lý lẽ: chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ.

- Khi bọn tay tiếp tục hành động ác độc và tàn nhẫn.

+ Nghiến hai hàm răng.

+ Xưng hô: mày- bà -> Tư thế đứng trên đầu kẻ thù.

-> Chuyển từ đấu lý -> đấu lực.

- Cảnh tượng " Tức nước vỡ bờ":

+ Chị Dậu chiến thắng, tên cai lệ ngã chổng quèo, tên người nhà lý trưởng bị túm tóc lẳng ngã nhào.

- Hình ảnh đối lập, miêu tả với sắc thái hài hước, chân thực, hợp lý, sống động.

-> Làm nổi bật sức mạnh ghê gớm và tư thế ngang tàng của chị Dậu.

-> Những tên tay sai hung hãn thành kẻ thảm bại xấu xí, tội tã.

=> Là người phụ nữ dịu dàng mà cứng cỏi, đầy vị tha nhưng không yếu đuối; có một sức sống mạnh mẽ, một tinh thần phản kháng tiềm tàng, quyết liệt.

3. Ý nghĩa nhan đề: Tức nước vỡ bờ

- Chân lí dân gian: Có áp bức, có đấu tranh

- Chân lí cuộc sống: Con đường của quần chúng bị áp bức chỉ có thể là con đường đấu tranh tự giải phóng, không có con đường nào khác

-> Dự báo cơn bão táp mạng của quần chúng nhân dân sau này.

III. Tổng kết: SGK/33

IV. Luyện tập:

Tiết 7:

TRƯỜNG TỪ VỰNG

I. Tìm hiểu bài:

1. Thế nào là trường từ vựng?

Ví dụ:

- Các từ: mặt, mắt, da, gò má, đùi, đầu, cánh tay, miệng

- đều có nét chung về nghĩa: Chỉ bộ phận cơ thể con người.

→ Tập hợp thành một trường từ vựng.

=> Trường từ vựng: Là tập hợp của những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa.

*** Lưu ý:**

a) Một trường từ vựng có thể bao gồm nhiều trường từ vựng nhỏ hơn.

VD: Trường từ vựng "mắt" có nhiều trường nhỏ.

b) Một trường từ vựng có thể bao gồm những từ khác biệt nhau về từ loại.

VD: Thuộc trường " mắt" có danh từ, động từ, tính từ.

c) Do hiện tượng nhiều nghĩa, một từ có thể thuộc nhiều trường từ vựng khác nhau.

VD : Ngọt

- trường mùi vị

- trường âm thanh

- trường thời tiết

d) Ta thường dùng cách chuyển trường từ vựng để tăng thêm tính nghệ thuật và khả năng diễn đạt (Phép nhân hoá, ẩn dụ, so sánh...)

VD: SGK/22

- Các từ : tưởng, mừng, cậu, chục, cậu Vàng, ngoan thuộc trường từ vựng " người" chuyển sang trường từ vựng " thú vật" để nhân hoá.

II. Ghi nhớ: SGK/21

III. Luyện tập:

Bài 1:

Văn bản trong lòng mẹ của Nguyên Hồng, các từ thuộc trường từ vựng " người ruột thịt"

+ Thầy, mẹ, em , mợ, cô, cháu, mợ, em bé, anh, em, con, bà, họ, cậu

Bài 2:

a, Dụng cụ đánh bắt cá: lưới, nơm, vó, câu

b, Vật chứa, đựng: tủ, rương, hòm, va li, chai, lọ

c, Hoạt động của chân: đá, đạp, giẫm, xéo

d, Tâm trạng con người: buồn,vui, sợ hãi, phấn khởi

e, Tính cách con người: hiền lành, độc ác, cởi mở

g, Bút viết: bút máy, bút bi, phấn, bút chì.

Bài 3:

Các từ in đậm thuộc trường từ vựng:

- Tình cảm, thái độ của con người: hoài nghi, khinh miệt, ruồng rẫy, thương yêu, kính mến, rắp tâm

Bài 4:

Có thể sắp xếp các từ đó vào hai trường từ vựng

Khứu giác	Thính giác
Mùi, thơm, rõ	Nghe, thính, điếc, tai

Bài 5:

- Từ " lưới" thuộc trường từ vựng:

+ Trường "dụng cụ đánh bắt cá

+ Trường " phương án bao vây bắt người": giăng lưới bắt tội phạm, lưới trời, lưới phục kích, lưới mật thám.

- Từ "lạnh" thuộc trường từ vựng:

+ Trường "nhiệt độ"

+ Trường tính cách, thái độ

+ Trường "màu sắc"

- Từ "tấn công" thuộc trường:

+ Trường "hành động bạo lực"

+ Trường từ vựng về " hoạt động thể thao"

Bài 6:

Các từ: chiến trường, vũ khí, chiến sĩ vốn thuộc trường từ vựng "quân sự" chuyển sang trường từ vựng về "nông nghiệp"

-> Nông nghiệp cũng là mặt trận. Thúc đẩy tinh thần hăng say lao động

Bài 7:

Viết đoạn văn ngắn có 5 từ cùng trường từ vựng "trường học"

Thông qua bức thư của tổng thống Mỹ Lincoln gửi đến thầy hiệu trưởng ta càng hiểu thêm về tầm quan trọng của nhà trường, thầy cô đối với sự phát triển nhân cách và trí tuệ của lứa trẻ. Thầy cô phải để trẻ nhìn thấy thế giới diệu kỳ, tuyệt diệu của những cuốn sách nhưng cũng nên trao cho chúng thời gian lặng lẽ suy tư về những điều thú

vị bí mật của cuộc sống. Dạy cho chúng biết cách sống thành thực với chính bản thân. Giúp trẻ biết cách tin vào chủ kiến của bản thân, đối xử hòa nhã với những người tốt và cương quyết với những người thô bạo. Trường học luôn là thế giới nhiệm màu gìn giữ và nâng tầm những giấc mơ của tuổi trẻ.

Tiết 8:

XÂY DỰNG ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN

I. Tìm hiểu bài:

1. Thế nào là đoạn văn?

Ví dụ: Văn bản “Ngô Tất Tố và tác phẩm Tắt đèn”.

- Văn bản gồm 2 ý.
- Mỗi ý được viết thành 1 đoạn văn.
- Nhận biết đoạn văn (Đặc điểm đoạn văn)
- Nội dung: Biểu đạt một ý tương đối hoàn chỉnh.
- Hình thức: Bắt đầu từ chỗ viết hoa => xuống dòng.

2. Từ ngữ chủ đề và câu chủ đề trong đoạn văn:

Ví dụ: Văn bản “Ngô Tất Tố và tác phẩm Tắt đèn”.

- Từ ngữ duy trì đối tượng trong đoạn văn:

Đoạn 1: Ngô Tất Tố (ông, nhà văn).

Đoạn 2: Tắt đèn (tác phẩm)

=> **Từ ngữ chủ đề**

* Câu then chốt trong đoạn văn.

- Câu 1 (đoạn 2) là câu chủ đề.
- Nhận xét:
 - + Về nội dung: Thường mang ý nghĩa khái quát cho cả đoạn văn.
 - + Hình thức: Ngắn gọn, đủ hai phần chính: C – V.
 - + Vị trí: đứng đầu hoặc cuối đoạn văn.

=> **gọi là câu chủ đề.**

3. Cách trình bày nội dung trong đoạn văn :

a) Nội dung đoạn văn được trình bày bằng nhiều cách khác nhau.

- Phân tích và so sánh cách trình bày của 2 đoạn trong văn bản trên.
- + Đoạn 1 : Không có câu chủ đề -> Duy trì đối tượng bằng từ ngữ chủ đề.

Giữa các câu có quan hệ ngang bằng, cùng thực hiện nhiệm vụ giới thiệu về Ngô Tất Tố. → Trình bày theo cách song hành.

+ Đoạn 2 : Câu chủ đề nằm ở đầu đoạn văn (Mang ý khái quát) → Những câu sau bổ sung ý nghĩa (triển khai) cho câu chủ đề

→ Trình bày theo cách diễn dịch.

b) Đoạn văn :

- Câu chủ đề nằm ở đầu đoạn văn.
- Nội dung : lí giải vì sao lá cây có màu xanh.
- Trình bày từ ý cụ thể đến ý khái quát → Cách trình bày qui nạp.

II. Ghi nhớ: SGK/36

III. Luyện tập:

Câu 1 :

Văn bản đã cho có thể chia thành 2 ý, mỗi ý được diễn đạt bằng một đoạn văn:

- Ý 1: Thầy đồ lười lấy văn tế ông thân sinh chép lại đưa chủ nhà tế vợ.

- Ý 2: Sự việc xảy ra và cái vãi.

Câu 2: Cách trình bày trong các đoạn:

Đoạn văn Vị trí câu chủ đề Cách trình bày nội dung

a. Đầu đoạn diễn dịch

b. Không có song hành

c. Không có song hành

Câu 3: Tham khảo:

- Đoạn văn diễn dịch:

Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của nhân dân ta. Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,... Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng.

(Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh toàn tập, tập 6, NXB Sự thật, Hà Nội, 1986)

- Đoạn văn quy nạp:

Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,... Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng. Tinh thần yêu nước của nhân dân ta đã được khẳng định trong những cuộc kháng chiến vĩ đại, gắn với những tên tuổi ấy.

Câu 4 :

a. Giải thích ý nghĩa câu tục ngữ: (quy nạp)

Thành công là đạt được mục tiêu đã đề ra trong cuộc sống của mình. Thất bại đối lập với thành công, là vấp ngã, là không đạt được kết quả như mong muốn. “Thất bại

là mẹ thành công” là một câu tục ngữ cô đọng, sâu sắc, là lời khuyên chân thành đúc kết từ kinh nghiệm thực tiễn rằng thất bại chính là con đường dẫn đến thành công.

b. Giải thích tại sao người xưa lại nói *Thất bại là mẹ thành công*.

Vì sao người xưa lại nói “Thất bại là mẹ thành công”? Mới nghe tưởng chừng mâu thuẫn nhưng không phải vậy, nó rất chính xác. Sau mỗi lần thất bại, ta sẽ tìm ra nguyên nhân dẫn đến những sai sót, từ đó rút ra những kinh nghiệm quý báu, giúp ta tránh phạm những sai lầm đó nữa và ngày càng tiến tới thành công.

c. Nêu bài học vận dụng câu tục ngữ ấy trong cuộc sống.

Trong thực tế, để đạt được thành công, ai cũng từng trải qua thất bại. Muốn đi vững trên đôi chân, ta phải chấp chững và ngã biết bao lần khi tập đi. Thomas Edison tìm ra dây tóc bóng đèn phù hợp, ông từng 10000 lần thất bại. Nhưng ông cho rằng “Tôi đã tìm ra 10000 cách không hoạt động”. Còn rất nhiều tấm gương khác nữa. Phải thất bại chúng ta mới rút ra được kinh nghiệm, có động lực để tiếp tục tìm tòi học hỏi để từng bước tiến đến thành công.

MỌI THẮC MẮC PHHS VÀ HS VUI LÒNG LIÊN HỆ:

Cô Phan Thủy: 0977345871

Cô My: 0985738889

Cô Tiên: 0916354818

Cô Bảo Ngọc: 0917107355

Cô Yến Ngọc: 0349367617

Thầy Nê: 0978666893

Cô Trang: 0987585849

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN

TỔ TIẾNG ANH

TIẾNG ANH 8 (TỪ 13/9 ĐẾN 18/9)

❁ WEEK 2:

♦ Period 4 : Unit 1 : MY FRIENDS – Read

Vocabulary (READ)

1/ lucky ≠ unlucky	(n)	may mắn ≠ không may
→ luck ≠ unluck	(n)	vận may ≠ vận rủi
2/ character	(n)	tính cách
3/ sociable = outgoing	(a)	hòa đồng
4/ extremely	(adv)	cực kỳ
5/ kind	(adj)	tốt bụng
→ kindly	(adv)	một cách tử tế
6/ generous	(adj)	rộng lượng
→ generosity	(v)	sự rộng lượng
7/ volunteer	(v)	tình nguyện
8/ local	(adj)	thuộc địa phương
9/ orphan	(n)	trẻ mồ côi
→ orphanage	(n)	trại mồ côi
10/ hard-working	(adj)	chăm chỉ
11/ grade	(n)	điểm số
12/ reserved = shy	(adj)	kín đáo
13/ peace	(n)	sự thanh tĩnh
→ peaceful	(adj)	yên bình
14/ tell a joke	(v)	nói đùa
15/ (sense of) humor	(n)	sự hài hước
→ humorous	(adj)	hài hước
16/ annoy	(v)	gây phiền

♦ Period 5 : Unit 1 : MY FRIENDS – Write

Vocabulary (WRITE)

1/ appear	(v)	xuất hiện, hiện ra
-----------	-----	--------------------

≠ disappear	(v)	biến mất
→ appearance	(n)	sự xuất hiện
≠ disappearance	(n)	sự biến mất
2/ helpful	(adj)	hay giúp đỡ

♦ Period 6 : Unit 1 : MY FRIENDS – Language focus

Vocabulary (Language focus)

1/ rise	(v)	mọc (the sun)
2/ set	(v)	lặn (the sun)
3/ planet	(n)	hành tinh
4/ earth	(n)	trái đất
5/ silly = foolish	(a)	ngốc nghếch

EXERCISE – UNIT 1

✳ WEEK 2:

I. Circle the best answer

- A child whose parents have died is called a(n) _____ (cousin / neighbor / nephew / orphan)
- Mary has _____ curly black hair. (long / straight / blond / fat)
- Tom is tall enough _____ play volleyball. (about / at / to / from)
- She lives next to my house. She is my _____ neighbor. (best / classmate / next door / good)
- Ba is not as outgoing _____ Bao. (as / like / than / more)
- The Earth moves _____ the sun. (round / from / to / around)
- Last year, Hoa came to the school _____ the first time. (to / for / from / at)
- Nien was Hoa's neighbor _____ Hoa lived in Hue. (what / how / who / when)
- Bao is a hard-working student _____ always gets good grades. (how / who / when / what)
- Although we have quite _____ characters, the four of us are very close friends.
(good / bad / different / same)
- He does volunteer work _____ a local hospital. (on / in / at / with)
- The moon _____ around the Earth. (goes / is / does / did)
- However, Ba's jokes _____ his friends. (make / annoy / smile / like)
- He is _____ enough to have a lot of friends. (luck / unluck / lucky / unlucky)
- What an _____ story! (bad / awful / interesting / good)

II. Word form

- John is a _____ student. (humor)
- They enjoyed the _____ summer evenings in the countryside. (peace)
- Those cats looks _____. (love)
- Bao is very _____, kind and generous. (social)
- Each of my friends has a _____ character. (differ)
- Khai and Song prefer to be outside the _____. (class)
- Tam is sociable, humorous and _____. (help)
- Nien was my next-door _____ in Hue. (neighborhood)
- Song is our school's star soccer _____. (play)
- He spends his free time doing volunteer work at a local _____. (orphan)

III. Rearrange the words in the correct orders of a complete sentence

1. in the same / The / Quang Trung School. / are / two girls / class //

2. his jokes. / Ba's / get tired of / sometimes / friends //

3. black / He's tall / hair. / and has short / and thin //

4. quiet / and / Khai / the local library / the peace / . / likes / of //

5. characters / . / We / different / have / quite //

IV. Rewrite the second sentence so that it has the same meaning

S + spend(s) + time/money + V-ing. / S + spent + time/money + V-ing.

↔ *It takes (sb) + time + to do Something. / It took (sb) + time + to do Something.*

1: *I spent a lot of time cleaning that room.*

=> *It* _____

2: *She spends a week completing the report.*

=> *It* _____

3: *It takes us years to learn to play guitar.*

=> *We* _____

4: *It took her mother one hour to cook the meal.*

=> *Her mother* _____

5. *He spent lots of time doing this experiment.*

=> *It* _____

MỌI THẮC MẮC PHỤ HUYNH LIÊN HỆ CÔ NGỌC MY –ĐT : 0779939086

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỒN

TỔ: LÝ – HÓA

MÔN VẬT LÝ – KHỐI 8

(Từ ngày 13/9/2021 đến ngày 18/9/2021)

CHỦ ĐỀ 2: TỐC ĐỘ

A. LÝ THUYẾT

I. CHUYỂN ĐỘNG NHANH HAY CHẬM CỦA MỘT VẬT PHỤ THUỘC VÀO GÌ?

- Trong cùng một quãng đường, vật chuyển động càng nhanh khi thời gian chuyển động càng ngắn.
- Trong cùng một thời gian, vật chuyển động càng nhanh khi quãng đường chuyển động càng dài.

II. TỐC ĐỘ

- Tốc độ cho biết độ nhanh chậm của vật chuyển động, được đo bằng độ dài quãng đường vật đi được trong một đơn vị thời gian.
- Công thức tính tốc độ:

$$v = \frac{s}{t}$$

Trong đó:

V: là tốc độ (m/s , km/h)

s: là quãng đường đi được (m , km)

t: là thời gian để đi hết quãng đường đó (s , h)

❖ Lưu ý:

Đổi từ m/s ra km/h: nhân với 3,6

Đổi từ km/h ra m/s: chia cho 3,6

Dụng cụ đo tốc độ: dùng tốc kế

III. VẬN DỤNG

Một người đi từ nhà đến nơi làm việc với quãng đường dài 15 km trong thời gian 20 phút. Tính tốc độ của người này?

Tóm tắt:

$$s = 15 \text{ km}$$

$$t = 20 \text{ phút} = 0,25 \text{ h}$$

Giải

Tốc độ của người này là:

$$v = \frac{s}{t} = \frac{15}{0,25} = 60 \text{ km/h}$$

B. BÀI TẬP

Bài 1: Một ô tô đi trên đoạn đường AB dài 16km mất 30 phút. Tính tốc độ của ô tô trên đoạn đường AB?

Bài 2: Một người đi xe máy từ A đến B dài 9km hết 15 phút.

Tính vận tốc của người đó đi trên quãng đường AB.

Bài 3: Một học sinh đi bộ từ nhà đến trường với tốc độ 4,5 km/h trong 20 min.

Tính độ dài quãng đường đi của học sinh này?

❖ DẶN DÒ

- Ghi nhớ công thức tính tốc độ, cách đổi các đơn vị đo chiều dài, thời gian, tốc độ.
- Làm các bài tập vận dụng (lưu ý đổi đơn vị chính xác).

Mọi thắc mắc, quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

- Thầy Trần Thái Châu – 0974498493
- Cô Hồ Thị Ánh Ngọc – 0374214578

Trường THCS Phan Công Hớn

Tổ Sinh học

MÔN: SINH HỌC KHỐI 8

(Từ ngày 13/9 đến ngày 18/9)

LÝ THUYẾT

TIẾT 3,4 TẾ BÀO – MÔ

I. TẾ BÀO

- Mọi cơ thể sống đều cấu tạo từ.....

- Tế bào là đơn vị chức năng của cơ thể vì thể hiện đầy đủ chức năng, đặc trưng cơ bản của cơ thể sống như, phát triển,,(tiếp nhận và trả lời kích thích và di truyền.

II. MÔ, CƠ QUAN VÀ HỆ CƠ QUAN

1. Mô , cơ quan và hệ cơ quan

Các cấp độ tổ chức	Cấu tạo	Vai trò
Mô	Tập hợp các.....chuyên hóa, có cấu tạo.....cùng đảm nhận.....chung.	Tham gia cấu tạo nên các.....
Cơ quan	Tập hợp các.....có cùng chức năng	Cấu tạo nên..... trong cơ thể

2. Các loại mô:

a. Mô biểu bì:

Chức năng: Bảo vệ,và tiết

Ví dụ:,.....

b. Mô liên kết:

Chức năng: Nâng đỡ,các cơ quan, vận chuyển các chất

Ví dụ:.....,,,

c. Mô cơ

Chức năng: Co,tạo nên sự vận động

Ví dụ:.....,,

d. Mô thần kinh:

Gồm các tế bào.....(neurone) và tế bào thần kinh đệm

Chức năng: tiếp nhận....., xử lý thông tin, điều khiển sự hoạt động của các cơ quan để trả lời kích thích.

TIẾT 4 THỰC HÀNH QUAN SÁT TẾ BÀO VÀ MÔ

(Vở thực hành Sinh học 8)

Mọi thắc mắc quý PH và HS vui lòng liên hệ cô Hiền (0703053845)

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN
TỔ: SỬ - GDCD

MÔN LỊCH SỬ - KHỐI 8
(Từ ngày 13/9/2021 đến 18/9/2021)

A. LÝ THUYẾT:

TUẦN 2

LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI
(Từ giữa thế kỷ XVI đến năm 1917)

Chủ đề 1: CÁCH MẠNG TƯ SẢN VÀ SỰ XÁC LẬP CHỦ NGHĨA TƯ BẢN
(Từ giữa thế kỷ XVI đến nửa sau thế kỷ XIX)

Nội dung 2: CÁCH MẠNG TƯ SẢN PHÁP CUỐI THẾ KỈ XVIII

I. Nước Pháp trước cách mạng:

1. Tình hình kinh tế:

- Nông nghiệp lạc hậu, công cụ thô sơ, mất mùa, đói kém, đời sống nông dân rất khổ cực.
- Kinh tế TBCN đã phát triển nhưng bị chế độ phong kiến kìm hãm, chưa có sự thống nhất về đơn vị đo lường và tiền tệ.

2. Tình hình chính trị - xã hội:

- Pháp vẫn là nước quân chủ chuyên chế.
- Xã hội có 3 đẳng cấp: Tăng lữ, Quý tộc mâu thuẫn với Đẳng cấp thứ ba.

3. Đấu tranh trên mặt trận tư tưởng

- Đại diện cho trào lưu triết học Ánh sáng Pháp là Mông-te-ki-ơ, Vôn-te, Giăng Giắc Rút-xô.
- Nội dung: Ủng hộ tư tưởng tiến bộ của giai cấp tư sản, kịch liệt lên án chế độ quân chủ chuyên chế của Lu-i XVI.
- Vai trò: Thúc đẩy cách mạng sớm bùng nổ.

II. Cách mạng bùng nổ và sự phát triển của cách mạng

Hướng dẫn học sinh lập bảng niên biểu các sự kiện chính. Nêu được phát triển của cách mạng.

THỜI GIAN	SỰ KIỆN	KẾT QUẢ
5/5/1789	Vua Lu-i XVI lại triệu tập Hội nghị ba đẳng cấp để tăng thuế.	Đại diện của đẳng cấp thứ ba kịch liệt phản đối, nhà vua và quý tộc dùng quân đội đàn áp.
14/7/1789	Quần chúng tấn công và chiếm pháo đài – nhà ngục	mở đầu thắng lợi của CM.

	Ba-xt.i	
14/7/1789 - 10/ 8 /1792	Phái Lập hiến thiết lập chế độ quân chủ lập hiến.	Thông qua Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền, nêu khẩu hiệu “Tự do - Bình đẳng - Bác ái”. Hiến pháp được ban hành, xác lập chế độ quân chủ lập hiến.
21/9/1792 - 2/6/1793	Phái Gi-rông-đanh tiếp tục làm cách mạng.	Lật đổ phái Lập hiến và thiết lập nền cộng hòa.
2/6/1793 - 2/7/1794 27/7/1794	Phái Gia-cô-banh lên nắm chính quyền, thiết lập nền chuyên chính dân chủ do Rô-be-spi-e đứng đầu. Tư sản phản cách mạng tiến hành đảo chính, bắt Rô-be-spi-e để xử tử.	Xóa bỏ mọi nghĩa vụ của nông dân đối với phong kiến, chia ruộng đất cho nông dân, quy định giá các mặt hàng. Xây dựng quân đội hùng mạnh, đánh bại ngoại xâm, nội phản. Cách mạng kết thúc.

IV. Ý nghĩa lịch sử của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII:

- CMTS Pháp đã lật đổ chế độ phong kiến, đưa giai cấp tư sản lên nắm quyền.
- Là cuộc CMTS triệt để nhất.

B. BÀI TẬP:

- **HỌC THUỘC NỘI DUNG 2**
- **TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI Ở SGK**
- **ĐỌC TRƯỚC BÀI MỚI**

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

Thầy Phách: 0908787875

Thầy Chính: 0967293940

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN
TỔ ĐỊA

MÔN ĐỊA LÝ KHỐI 8
(Từ ngày 13/09/2021 đến ngày 18/09/2021)

Bài 2: KHÍ HẬU CHÂU Á

A. LÝ THUYẾT

1. Khí hậu châu Á phân hóa rất đa dạng:

Khí hậu châu Á phân hóa đa dạng, phân hoá thành nhiều đới và kiểu khí hậu khác nhau thay đổi từ Bắc xuống Nam và từ Tây sang Đông. Ngoài ra, còn sự phân hóa theo độ cao.

2. Khí hậu châu Á phổ biến là các kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hậu lục địa:

Có 2 kiểu khí hậu phổ biến: khí hậu gió mùa và khí hậu lục địa.

-Khí hậu gió mùa:

- + Phạm vi ảnh hưởng bao gồm khu vực Đông Á, Đông Nam Á và Nam Á.
- + Đặc điểm khí hậu gió mùa là trong năm có hai mùa rõ rệt: mùa đông có gió thổi từ nội địa ra nên không khí lạnh và khô, mưa ít. Mùa hạ gió thổi từ đại dương vào lục địa thời tiết ẩm mưa nhiều.

-Khí hậu lục địa:

- + Chiếm phần lớn diện tích nội địa của Châu Á và vùng Tây Nam Á.
- + Đặc điểm khí hậu khô hạn, hình thành nhiều vùng hoang mạc và bán hoang mạc ở trung Á, Tây Nam Á.

*Nguyên nhân: do châu Á kích thước rộng lớn, địa hình chia cắt phức tạp, núi và cao nguyên đồ sộ ngăn ảnh hưởng của biển.

B. VÍ DỤ

C. BÀI TẬP ÁP DỤNG

D. DẶN DÒ

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

GVBM: Trần Thị Thanh Thủy

-SĐT: 0975096894

Trường THCS Phan Công Hớn

Tổ: SỬ-GDCD

Môn: GDCD – Khối: 8

(Thực hiện từ ngày 13/11/2021 đến 18/9/2021)

A. LÝ THUYẾT:

Chủ đề: Môi quan hệ với người khác

Tiết 2 - Bài : Liêm khiết

(1 tiết)

I/ Tìm hiểu bài: (Bài đọc SGK)

II/ Nội dung bài học:

1. Thế nào là liêm khiết?

Liêm khiết là phẩm chất đạo đức của con người thể hiện lối sống trong sạch, không hám danh, hám lợi, không bận tâm những toan tính nhỏ nhen, ích kỉ.

2. Biểu hiện:

Một số biểu hiện như: Không tham lam, không tham ô tiền bạc, tài sản chung, không lợi dụng chức quyền để mưu lợi cá nhân...

3. Ý nghĩa:

Sống liêm khiết sẽ làm cho con người thanh thản, nhận được sự quý trọng tin cậy của mọi người, góp phần làm cho xã hội trong sạch, tốt đẹp hơn.

*** Ca dao-Tục ngữ:**

Đói cho sạch, rách cho thơm.

B. BÀI TẬP:

- Học bài, làm bài tập 3, 4 SGK.
- Tìm ca dao- tục ngữ

Soạn bài 3: Tôn trọng người khác

(Mọi thắc mắc xin liên hệ với cô Đài Trang SĐT; 0901738927)

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN

TỔ TIN HỌC

MÔN TIN HỌC - KHỐI 8

(Từ ngày 13/09/2021 đến ngày 18/09/2021)

LÝ THUYẾT

BÀI 2: LÀM QUEN VỚI CHƯƠNG TRÌNH VÀ NGÔN NGỮ LẬP TRÌNH (tiết 1)

1. Ngôn ngữ lập trình gồm những gì?

- Bảng chữ cái của các ngôn ngữ lập trình gồm những chữ cái tiếng Anh và một số các kí hiệu khác như dấu phép toán, dấu nháy, ...
- Ngôn ngữ lập trình gồm bảng chữ cái và các quy tắc để viết các câu lệnh có ý nghĩa xác định, cách bố trí các câu lệnh, ... sao cho có thể tạo thành một chương trình hoàn chỉnh và thực hiện được trên máy tính.
- Xem hình 1.6 SGK/ 10.

2. Từ khóa và tên

- Từ khóa là những từ dành riêng cho ngôn ngữ lập trình.
- Các từ khóa: Program, Uses, Begin, End.
- Tên do người lập trình đặt phải tuân theo các quy tắc của ngôn ngữ lập trình cũng như của chương trình dịch và thỏa mãn:
 - + Tên khác nhau tương ứng với những đại lượng khác nhau.
 - + Tên không được trùng với từ khóa.

Ví dụ: - Tên hợp lệ: STamgiac, ban_kinh, ...

- Tên không hợp lệ: Lop em, 8A, ...

Mọi thắc mắc PHHS và HS vui lòng liên hệ:

1. Cô Thảo → 0907254518
2. Thầy Hiếu → 0901486242
3. Thầy Phái → 0938779246

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ: LÝ-HÓA

MÔN HÓA HỌC KHỐI 8

(Từ ngày 13//09/2021 đến ngày 18/09/2021)

Tiết 3-Bài CHẤT (tt) + DUNG DỊCH

A. LÝ THUYẾT

III/ Chất tinh khiết:

1. Hỗn hợp:

Hai hay nhiều chất trộn lẫn với nhau gọi là hỗn hợp.

Ví dụ : Nước tự nhiên như : nước biển, nước sông suối, nước ao hồ, nước giếng...kể cả nước máy đều có lẫn một số chất khác. Nên nước tự nhiên là một hỗn hợp.

2. Chất tinh khiết:

Là chất không có lẫn chất khác.

Ví dụ: nước cất (Nước cất được thu được từ quá trình chưng cất nước tự nhiên)

Nước cất có: $t_{nc} = 0^{\circ}\text{C}$

$t_s = 100^{\circ}\text{C}$

$D = 1\text{g/cm}^3$

3. Tách chất ra khỏi hỗn hợp:

Dựa vào sự khác nhau về tính chất vật lí có thể tách một chất ra khỏi hỗn hợp.

4. Dung dịch:

- Dung môi: là chất có khả năng hòa tan chất khác để tạo thành dung dịch. Ví dụ : nước
- Chất tan là chất bị hòa tan trong dung môi. Ví dụ : muối.
- Dung dịch là hỗn hợp đồng nhất của dung môi và chất tan. Ví dụ: nước muối gọi là dung dịch muối.
- Ở nhiệt độ xác định:

- Dung dịch chưa bão hòa là dung dịch có thể hòa tan thêm chất tan.
- Dung dịch bão hòa là dung dịch không thể hòa tan thêm chất tan.
- Muốn chất rắn tan nhanh trong nước, ta thực hiện 1,2 hoặc cả 3 biện pháp sau:
 - Khuấy dung dịch.
 - Đun nóng dung dịch
 - Nghiền nhỏ chất rắn.

B.VÍ DỤ:

1/ Hãy kể hai tính chất giống nhau và hai tính chất khác nhau giữa nước khoáng và nước cất.

Giống nhau: Chất ở trạng thái lỏng ở điều kiện thường, trong suốt, không màu.

Khác nhau: Nước cất là chất tinh khiết, còn nước khoáng chứa nhiều chất tan, nó là hỗn hợp

2/ Biết rằng một số chất tan trong nước tự nhiên có lợi cho cơ thể. Theo em nước khoáng hay nước cất, uống nước nào tốt hơn.

Nước khoáng uống tốt hơn nước cất vì trong nước khoáng có nhiều chất tan có lợi cho cơ thể.

Nước cất được dùng trong pha chế thuốc hoặc trong phòng thí nghiệm.

C.BÀI TẬP ÁP DỤNG:

Bài tập 6/11/SGK

Tự mình pha chế thành một dung dịch nước muối bão hòa.

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

1 Thầy Tài SDT: 0384016912

2 Thầy Hậu SDT: 0933351932

3 Cô Xem SDT: 0767108446

4.Cô Huệ SDT: 0785656236

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ: LÝ-HÓA

MÔN HÓA HỌC KHỐI 8

(Từ ngày 13//09/2021 đến ngày 18/09/2021)

Tiết 4-Bài THỰC HÀNH 1

A. LÝ THUYẾT

Một số quy tắc an toàn trong phòng thí nghiệm, cách sử dụng hóa chất và làm quen với một số dụng cụ thí nghiệm đơn giản.

1/ Một số quy tắc an toàn:

- Khi làm thí nghiệm hóa học, phải tuyệt đối tuân thủ theo các quy tắc an toàn trong phòng thí nghiệm và sự hướng dẫn của thầy cô giáo.
- Khi làm thí nghiệm cần trật tự, gọn gàng, cẩn thận, thực hiện thí nghiệm theo đúng trình tự quy định.
- Tuyệt đối không làm đổ vỡ, không để hóa chất bắn vào người và quần áo. Đèn cồn dùng xong cần đập nắp để tắt lửa.
- Sau khi làm thí nghiệm thực hành phải rửa dụng cụ thí nghiệm, vệ sinh phòng thí nghiệm.

2/ Cách sử dụng hóa chất:

- Hóa chất trong phòng thí nghiệm thường đựng trong lọ có nút đậy kín, phía ngoài có dán nhãn ghi tên hóa chất. Nếu hóa chất có tính độc hại, trên nhãn có ghi chú riêng.
- Không dùng tay trực tiếp cầm hóa chất. Không đổ hóa chất này vào hóa chất khác(ngoài chỉ dẫn). Hóa chất dùng xong nếu còn thừa, không được đổ trở lại bình chứa
- Không dùng hóa chất đựng trong những lọ không có nhãn ghi rõ tên hóa chất. Không ném hoặc vứt trực tiếp hóa chất.

2 KÍ HIỆU CẢNH BÁO TRONG PHÒNG THỰC HÀNH

➤ Quan sát một số kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành

Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành giúp chúng ta chủ động phòng tránh và giảm thiểu các rủi ro cũng như nguy hiểm trong quá trình làm thí nghiệm.



Chất dễ cháy

(a)



Chất ăn mòn

(b)



Chất độc môi trường

(c)



Chất độc sinh học

(d)



Nguy hiểm về điện

(e)



Hoá chất độc hại

(g)



Chất phóng xạ

(h)



Cấm sử dụng nước uống

(i)



Cấm lửa

(k)



Nơi có bình chữa cháy

(l)



Lối thoát hiểm

(m)

▲ Hình 3.2. Một số kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành

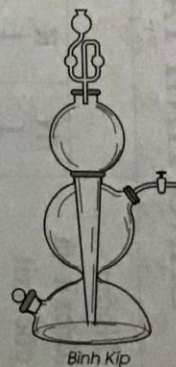
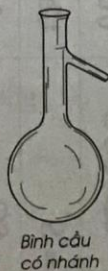
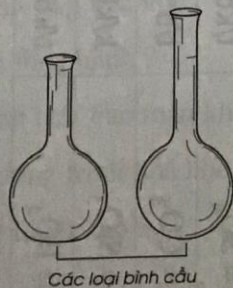
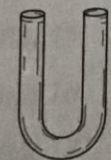
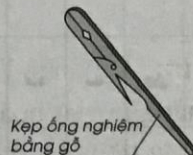
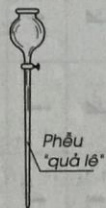
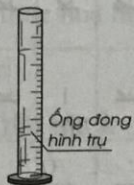
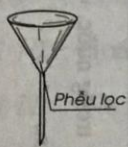
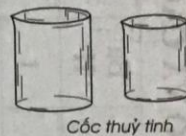
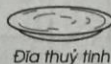
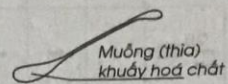
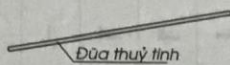
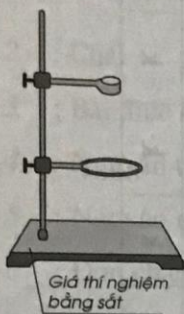
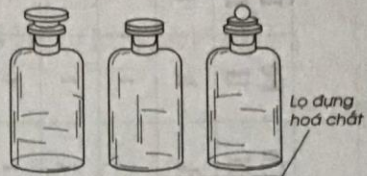
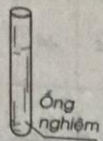
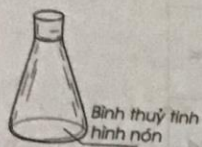


2 Quan sát các kí hiệu cảnh báo trong hình 3.2 và cho biết ý nghĩa của mỗi kí hiệu.

3 Tại sao lại dùng kí hiệu cảnh báo thay cho mô tả bằng chữ?

3/ Làm quen với 1 số dụng cụ thí nghiệm đơn giản

III - MỘT SỐ DỤNG CỤ THÍ NGHIỆM



B.VÍ DỤ:

Tách riêng chất từ hỗn hợp muối ăn và cát.

Bỏ hỗn hợp muối ăn và cát vào cốc nước, khuấy đều. Đổ nước từ từ theo đũa thủy tinh qua phễu có giấy lọc, thu lấy phần nước lọc vào cốc. Đổ phần nước lọc vào ống nghiệm. Dùng kẹp gỗ cặp ống nghiệm rồi đun nóng cho đến khi nước bay hơi hết. Khi đun nóng, để ống nghiệm hơi nghiêng, lúc đầu hơi dọc ống nghiệm trên ngọn lửa cho nóng đều, sau đó mới đun phần đáy ống. Hướng miệng ống nghiệm về phía không có người. Quan sát chất cò lại trong ống nghiệm và trên giấy lọc.

C.BÀI TẬP ÁP DỤNG:

Dự đoán kết quả thí nghiệm trên và ghi tên chất được tách riêng trên giấy lọc và trong ống nghiệm. Giải thích quá trình tiến hành.

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

1 Thầy Tài SĐT: 0384016912

2 Thầy Hậu SĐT: 0933351932

3 Cô Xem SĐT: 0767108446

4.Cô Huệ SĐT: 0785656236

MÔN CÔNG NGHỆ 8

GV: Hoàng Kim Quy – ĐT 0774189362

Tuần 2 từ 12/9 đến 17/9

Bài 2 HÌNH CHIẾU

I/Khái niệm về hình chiếu

Khi chiếu một vật thể lên một mặt phẳng, hình nhận được trên mặt phẳng đó gọi là hình chiếu của vật thể

II. Các phép chiếu

- Phép chiếu xuyên tâm
- Phép chiếu song song
- Phép chiếu vuông góc

III. Các phép chiếu vuông góc

1. Các mặt phẳng chiếu

- Mặt chính diện gọi là mặt phẳng chiếu đứng
- Mặt nằm ngang gọi là mặt phẳng chiếu bằng
- Mặt cạnh bên phải gọi là mặt phẳng chiếu cạnh

2. Các hình chiếu

- Hình chiếu đứng có hướng chiếu từ trước tới.
- Hình chiếu bằng có hướng chiếu từ trên xuống
- Hình chiếu cạnh có hướng chiếu từ trái sang.

IV. Vị trí các hình chiếu

- Hình chiếu bằng ở bên dưới hình chiếu đứng
- Hình chiếu cạnh ở bên phải hình chiếu đứng
- Cạnh thấy của vật thể vẽ bằng nét liền đậm.
- Cạnh khuất của vật thể vẽ bằng nét đứt.

* Dặn dò

Học sinh xem hình trong SGK Trang 2

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ ÂM NHẠC-MỸ THUẬT

MÔN MỸ THUẬT LỚP 8

(Từ ngày 13/09/2021 đến 18/09/2021)

Thường thức mỹ thuật

**BÀI 2: SƠ LƯỢC VỀ MỸ THUẬT THỜI LÊ
TỪ THẾ KỶ XV ĐẾN ĐẦU THẾ KỶ XVIII**

I-VÀI NÉT VỀ BỐI CẢNH LỊCH SỬ:

- Nhà Lê đã xây dựng một chính quyền phong kiến trung ương tập quyền ngày càng hoàn thiện và chặt chẽ.
- Nhà Lê là triều đại phong kiến tồn tại lâu nhất và có nhiều biến động trong lịch sử xã hội Việt Nam.

II- SƠ LƯỢC VỀ MỸ THUẬT THỜI LÊ:

1. NGHỆ THUẬT KIẾN TRÚC:

a) Kiến trúc cung đình:

- Xây nhiều cung điện lớn ở Thăng Long như điện Kính Thiên, Cần Trách, Vạn Thọ...

- Xây dựng khu Lam Kinh (quê hương Thọ Xuân, Thanh Hóa)

- Những dấu tích còn lại cho ta thấy các công trình này có quy mô to lớn.

b) Kiến trúc tôn giáo

- Xây dựng miếu thờ Khổng Tử, trường dạy Nho học ở nhiều nơi.

- Xây dựng lại Văn Miếu, mở mang Quốc Tử Giám.

- Đền thờ những người có công với đất nước (Phùng Hưng, Ngô Quyền,...)

-Thời Lê Trung Hưng – Phật giáo hưng thịnh, nhiều ngôi chùa ở Đàng Ngoài được tu sửa hoặc xây dựng theo kiến trúc Phật giáo.

2. NGHỆ THUẬT ĐIÊU KHẮC VÀ CHẠM KHẮC TRANG TRÍ:

a) Điêu khắc:

- Những pho tượng đá tạc người và các con vật ở khu lăng miếu Lam Kinh.

- Các bệ Rồng ở điện Kính Thiên, thành bậc Nam Giao,...

b) Chạm khắc trang trí:

- Các thành bậc bằng đá, bia đá đều được chạm khắc hình Rồng, song nước, hoa lá,...

- Cảnh sinh hoạt của nhân dân được chạm khắc trên gỗ ở các đình làng...

3. NGHỆ THUẬT GỖM:

Kế thừa tinh hoa nghệ thuật gốm thời Lý-Trần nhưng có nét độc đáo riêng, mang đậm chất dân gian.

4. ĐẶC ĐIỂM MỸ THUẬT THỜI LÊ:

Nghệ thuật chạm khắc, nghệ thuật gốm và tranh dân gian đã đạt tới mức điêu luyện, giàu tính dân tộc.

Mọi thắc mắc PHHS và HS liên hệ: GVBM Ka Hoàng Phương Thảo: 0979410097

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ: THỂ DỤC

MÔN THỂ DỤC KHỐI 8 – TUẦN 2

(Từ 13/09/2021 đến 18/19/2021)

I/ Mở Đầu:

1. Nhận lớp: Giáo viên nhận lớp, phổ biến nội dung, yêu cầu tiết học.

2. Khởi động:

Đánh tay cao thấp, xoay cổ, xoay cổ tay cổ chân, xoay khuỷu tay, xoay cánh tay, tay ngực, lưng bụng, vặn mình, xoay hông, xoay gối, ép dọc, ép ngang (học sinh xem video).

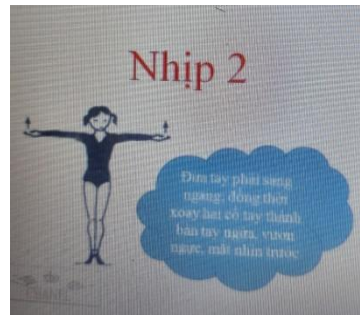
II/ Cơ Bản:

1. Bài Thể dục: Học từ nhịp 1 – nhịp 8.

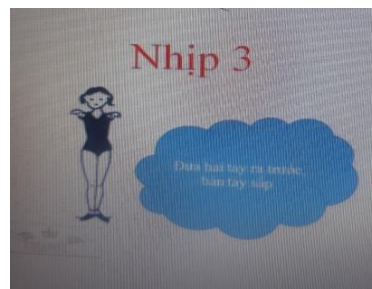
- Nhịp 1: Tay trái dang ngang, tay phải đưa về trước, hai bàn tay sấp, mắt nhìn theo bàn tay trái.



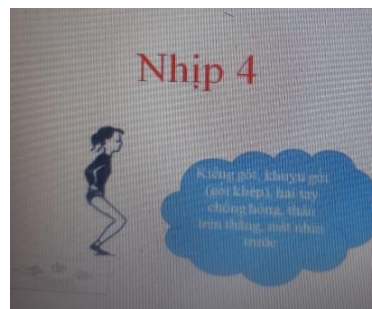
- Nhịp 2: Đưa tay phải sang ngang, đồng thời xoay hai cả 2 cổ tay thành bàn tay ngửa, vươn ngực, mắt nhìn trước.



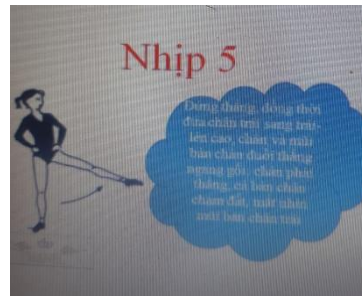
- Nhịp 3: Đưa 2 tay ra trước, bàn tay sấp.



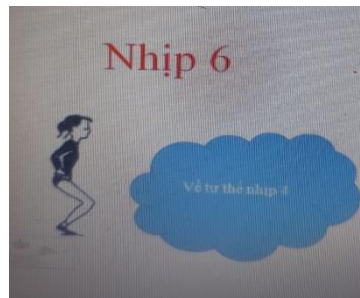
- Nhịp 4: Kiễng gót, khụy gối, hai tay chống hông, thân trên thẳng, mắt nhìn trước.



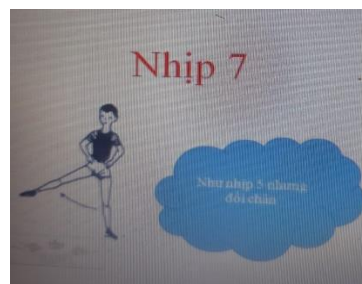
- Nhịp 5: Đứng thẳng, đồng thời đưa chân trái sang trái – lên cao, chân và mũi bàn chân duỗi thẳng ngang gối, chân phải thẳng, cả bàn chân chạm đất, mắt nhìn mũi bàn chân trái.



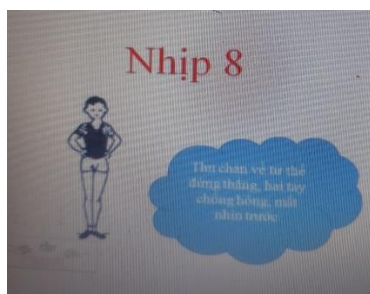
- Nhịp 6: Về tư thế như nhịp 4.



- Nhịp 7: Về như nhịp 5, nhưng đổi chân.



- Nhịp 8: Thu chân về tư thế đứng thẳng, hai tay chống hông, mắt nhìn trước



*** Củng cố:** 8 nhịp đầu bài thể dục:

Giáo viên gọi 2 em thực hiện tốt, 2 em thực hiện sai kỹ thuật lên thực hiện cho cả lớp xem và nêu ra những sai lầm thường mắc phải. Sau đó cho cả lớp nhận xét và giáo viên chỉ dẫn sửa sai để các em tự tập ở nhà.

III/ Kết Thúc:

- Thả lỏng: Đứng tại chỗ làm các động tác gập thân thả lỏng, rũ tay rũ chân, lắc đùi.
- Giáo viên nhận xét, biểu dương những học sinh tập luyện tích cực, nhắc nhở những học sinh chưa tốt.
- Đánh giá kết quả giờ học.
- Giao bài tập về nhà, xuống lớp.

***BÀI TẬP PHÁT TRIỂN THỂ LỰC VÀ NÂNG CAO SỨC KHỎE MÙA DỊCH:**

Chạy bền: Chạy tại chỗ hoặc nhảy dây từ 3 đến 8 phút.

❖ Lưu ý: Các em tập luyện thường xuyên tại nhà để nắm vững và nhớ động tác 1 cách chính xác.

HẾT